

Phương pháp giảng dạy môn học Tiếng Trung Quốc giao tiếp đa phương tiện

Phạm Thị Thu Hương

Email: blt20022003@gmail.com

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội
Số 02 Đường Phạm Văn Đồng, Quận Cầu Giấy,
Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Môn Tiếng Trung Quốc giao tiếp đa phương tiện là môn học mới có tính ứng dụng cao. Môn học được giảng dạy thông qua các tư liệu nghe - nhìn theo chủ đề nhằm cung cấp những kiến thức chân thực về ngôn ngữ, văn hóa, xã hội Trung Quốc. Qua môn học, sinh viên có thể nâng cao khả năng tổng hợp nội dung, trình bày và bảo vệ quan điểm cá nhân về vấn đề liên quan bài học, kĩ năng làm việc nhóm và khả năng sáng tạo, đồng thời có thể sử dụng một số phương tiện cơ bản vào việc truyền tải nội dung giao tiếp. Tác giả bài viết tập trung phân tích quy trình áp dụng một số phương pháp dạy học hiện đại và quy trình thực hiện các hoạt động cụ thể trong môn học nhằm tối ưu hóa tài liệu giảng dạy, khơi dậy sự hứng thú hăng say học tập cho người học, phát huy tối đa năng lực của người học, giúp người học phát triển kĩ năng giao tiếp một cách toàn diện. Bằng việc sử dụng phương pháp nghiên cứu hành động, phương pháp điều tra thống kê, tác giả khảo sát, phân tích phản hồi của người học trước và sau khi học môn học, kết hợp đánh giá kết quả đầu ra của môn học nhằm làm rõ hiệu quả của việc áp dụng kết hợp các phương pháp mới vào môn học.

TỪ KHÓA: Tiếng Trung Quốc giao tiếp, đa phương tiện, phương pháp giảng dạy.

→ Nhận bài 15/5/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 18/6/2023 → Duyệt đăng 15/7/2023.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12310702>

1. Đặt vấn đề

Năm 2019, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội mở thêm môn học Tiếng Trung Quốc giao tiếp đa phương tiện cho sinh viên năm thứ hai. Môn học vừa cung cấp những kiến thức chân thực về ngôn ngữ, văn hóa, xã hội Trung Quốc, vừa nâng cao khả năng nghe hiểu, tổng hợp nội dung, phân tích và trình bày quan điểm cá nhân của mình về các vấn đề xã hội có liên quan chủ đề. Môn học cũng giúp sinh viên nâng cao khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, khả năng sáng tạo và các kĩ năng sử dụng kết hợp đa phương tiện như văn bản, hình ảnh, âm thanh, video... nhằm nâng cao hiệu quả giao tiếp. Môn học này được giảng dạy kết hợp 3 kĩ năng “nghe - nhìn - nói” thông qua các đoạn phim ngắn về các chủ đề văn hóa, kinh tế, xã hội... Chính vì vậy, việc lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp cho cả giảng dạy trực tuyến và trực tiếp, có thể tối ưu hóa tài liệu giảng dạy, phát huy tối đa năng lực của người học, khơi dậy sự hứng thú hăng say học tập cho người học là vô cùng cấp thiết.

Cho tới nay, tại Trung Quốc và Việt Nam đều chưa có nghiên cứu nào nói về phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc giao tiếp đa phương tiện cho đối tượng là người Việt Nam. Trong các trường đào tạo chuyên ngành Tiếng Trung Quốc tại Việt Nam, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội là một trong các trường đầu tiên đưa môn học này vào giảng dạy. Chính vì thế, các nghiên cứu về phương pháp dạy học

cho môn học vừa nâng cao khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung Quốc vừa nâng cao kĩ năng sử dụng đa phương tiện vào giao tiếp còn hạn chế. Chính vì vậy, trong quá trình giảng dạy, chúng tôi đã tìm hiểu và áp dụng một số phương pháp giảng dạy mới phù hợp đối tượng là sinh viên Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội nhằm nâng cao hiệu quả môn học, đào tạo cho người học có thể phát triển toàn diện tất cả các kĩ năng giao tiếp.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

Để đánh giá hiệu quả của việc kết hợp các phương pháp dạy học hiện đại và nâng cao chất lượng giảng dạy, chúng tôi đã sử dụng phương pháp nghiên cứu hành động (action research) khi áp dụng các phương pháp và tình huống sư phạm trong hoạt động giảng dạy. Trong quá trình dạy, chúng tôi thường quan sát, phỏng vấn để đánh giá sự tích cực, chủ động và sự tiến bộ của người học, hay độ hài lòng của người học đối với giáo trình và phương pháp giảng dạy. Từ đó, điều chỉnh phương pháp, nội dung và hoạt động giảng dạy. Đồng thời, kết hợp phương pháp điều tra thống kê để khảo sát, phân tích phản hồi của người học trước và sau khi học môn học, đánh giá kết quả đầu ra của môn học qua sản phẩm video ngắn.

Đối tượng nghiên cứu là các phương pháp dạy học hiện đại được áp dụng trong môn học “Tiếng Trung Quốc giao tiếp đa phương tiện” giảng dạy cho sinh viên Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội. Môn học được sử dụng giáo trình (中国微镜头) (Ổng kính Trung Quốc) trung cấp, do Nhà Xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh xuất bản.

2.2. Lịch sử vấn đề

2.2.1. Các nghiên cứu tại Trung Quốc

Tại Trung Quốc, dạy học ngoại ngữ đa phương tiện được áp dụng nhiều trong kỹ năng nghe, nói qua các tài liệu nghe - nhìn. Nhiều nghiên cứu cho rằng, việc dạy nghe, nói sẽ đạt hiệu quả cao khi kết hợp cả kỹ năng “nhìn”, tức giảng dạy nghe, nói qua các tài liệu truyền thông, các video ngắn. Shen Luwei (沈履伟, 1995), Zhao Lijiang (赵立江, 1997), An Zhanfeng (安站锋, 2001), Li Zhen (李珍, 2015), Liu Xiao (刘肖, 2019) đều cho rằng, ưu thế của hình thức dạy học qua video là tạo môi trường ngôn ngữ chân thực và thực tế: tình huống, động tác, biểu cảm, ngữ điệu, hình ảnh... được thể hiện chân thực qua màn hình, khi học nghe nói qua video, người học tiếp nhận thông tin qua hai cơ quan cảm giác là thị giác và thính giác nên thông tin sẽ đầy đủ, chính xác và nhanh hơn [1], [2], [3], [4], [5]. Trong môn học Nghe - Nhìn, “Nhìn” (hình ảnh) chỉ là phương tiện hỗ trợ quan trọng; “Nghe” vừa là mục đích, vừa là phương tiện hỗ trợ lí giải thông tin có hình ảnh, tập hợp thông tin chuẩn bị cho “Nói”; “Nói” là mục đích chính. Môn học này không chỉ giúp người học trau dồi, rèn luyện và nâng cao khả năng nghe nói mà còn giúp họ hiểu được các kiến thức về xã hội, chính trị, kinh tế, đời sống và văn hóa Trung Quốc. Trong các nghiên cứu, các tác giả cũng chỉ ra việc lựa chọn tài liệu và phương pháp phù hợp là mấu chốt của hình thức giảng dạy này. Việc sử dụng hình ảnh minh họa phải kết hợp với nền tảng văn hóa, bài tập phong phú và vận dụng ngôn ngữ thực tế sẽ giúp cho người học nâng cao kỹ năng nghe, nói nhanh hơn. Hình thức dạy học đa phương tiện này được sinh viên quốc tế rất yêu thích và hiệu quả hơn dạy kỹ năng nghe và kỹ năng nói truyền thống.

Về phương pháp giảng dạy, năm 2020, tác giả Shen Xiaomei (沈晓梅) đã giới thiệu phương pháp dạy học “đa phương tiện” (Multimodal) trong giảng dạy giáo trình Nghe - Nhìn - Nói (中国微镜头) (Ổng kính Trung Quốc) [6]. Tác giả chỉ ra rằng, dưới sự hỗ trợ của mạng máy tính, giáo viên có thể kết hợp chữ viết, hình ảnh, âm thanh, video, động tác... để tác động lên các cơ quan cảm giác, vừa nâng cao hứng thú và tính tích cực của người học, vừa tạo môi trường giao tiếp chân thực, đưa ngôn ngữ vào cuộc sống. Giáo viên có thể kết hợp các công cụ như Wechat, QQ, thư điện tử hỗ trợ giao bài và đánh giá người học. Ngoài ra, giáo viên có thể thiết

kế tình huống giao tiếp, trò chơi, hay giao nhiệm vụ để người học đối thoại, thảo luận nhằm nâng cao tính chủ động, tích cực của người học. Năm 2019, chính tác giả giáo trình (中国微镜头) (Ổng kính Trung Quốc) Han Xiujuan (韩秀娟), Wang Tao (王涛) là người đầu tiên đưa phương pháp dạy học “kết hợp” (Blended Learning) vào giảng dạy môn học Nghe - Nhìn với giáo trình “Ổng kính Trung Quốc” [7]. Khái niệm dạy học kết hợp được tác giả sử dụng nhằm “Kết hợp giữa việc giảng dạy trên lớp có hỗ trợ đa phương tiện và tự học sau giờ học với sự trợ giúp của mạng máy tính” [7]. Trong bài viết, tác giả đã phân tích tác dụng của phương pháp dạy học kết hợp và các bước triển khai bài học. Tuy nhiên, theo chúng tôi, các bước triển khai này chưa phù hợp với thời lượng dạy học tại Việt Nam, chưa phát huy hết vai trò trung tâm của người học.

2.2.2. Các nghiên cứu tại Việt Nam

Theo khảo sát của chúng tôi, trong các trường đào tạo chuyên ngành tiếng Hán tại Việt Nam, một số trường đã sử dụng tài liệu “Nghe - Nhìn” vào giảng dạy, nhưng Trường Đại học Ngoại ngữ là trường đầu tiên có môn học “Tiếng Trung Quốc giao tiếp đa phương tiện”. Chính vì thế, các nghiên cứu về phương pháp dạy học cho môn học vừa nâng cao khả năng nghe, nói vừa nâng cao kỹ năng sử dụng đa phương tiện vào học tập và giao tiếp là chưa có. Các nghiên cứu đã tập trung chủ yếu vào mô hình lớp học đa phương tiện, ứng dụng đa phương tiện vào trong giảng dạy và học tập. Các bài viết chuyên sâu về phương pháp dạy học hiện đại còn đơn lẻ, số lượng hạn chế.

Một số nghiên cứu về ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy ngoại ngữ như Trần Thanh Hưng (2015), Bùi Văn Hồng (2018) đã khẳng định vai trò của việc đưa thiết bị công nghệ có kết nối Internet vào giảng dạy ở đại học [8], [9]. Năm 2017, tác giả Hoàng Ngọc Đồng có bài viết về sử dụng phần mềm dạy học đa phương tiện trong giảng dạy môn tiếng Anh. Trong bài viết, tác giả đã đưa ra những hạn chế của lớp học truyền thống và đưa các giải pháp giảng dạy đa phương tiện để khắc phục các hạn chế đó, đồng thời phát huy thế mạnh của giáo viên. Với kinh nghiệm nhiều năm giảng dạy, tác giả nhận thấy: “Áp dụng công nghệ thông tin vào trong giảng dạy sẽ làm không khí lớp học sôi nổi và người học tập trung hơn vào bài học”. Các Phương tiện, thiết bị dạy học như: máy tính xách tay, máy chiếu, Internet, bảng thông minh, tài liệu hỗ trợ, tranh ảnh... đã hỗ trợ giáo viên rất nhiều, góp một phần quan trọng vào sự thành công của bài giảng. Nhờ có thông tin qua nhiều kênh hình, kênh tiếng và những hiệu ứng về âm thanh, hình ảnh sống động vui mắt sẽ tạo ra sự hứng thú tối đa của người học [10].

Nghiên cứu về các phương pháp dạy học hiện đại chưa nhiều. Năm 2019, Vũ Thái Giang và Nguyễn Hoài

Nam cho rằng, dạy học kết hợp khá phù hợp và cần thiết với dạy học ở bậc đại học ở Việt Nam trong thời đại kĩ nguyên số [11]. Những khó khăn và hướng khắc phục để triển khai dạy học kết hợp hiệu quả trong bối cảnh dạy học đại học Việt Nam nói chung, ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội nói riêng cũng được phân tích và chỉ rõ. Ngoài ra, tác giả cũng khẳng định việc sử dụng phương pháp dạy học kết hợp nên kết hợp với hình thức lớp học đảo ngược sẽ nâng cao hiệu quả giảng dạy. Năm 2018, tác giả Phan Đức Duy đã phối hợp phương pháp dạy học đảo ngược và dạy học trực tuyến, tiến hành thực nghiệm, khảo sát đầu vào và đầu ra, kết quả rất khả quan [12]. Tác giả kết luận rằng, phương pháp dạy học đảo ngược và dạy học trực tuyến nếu được lồng ghép một cách phù hợp và có phương thức quản lí hiệu quả thì việc dạy và học sẽ trở nên dễ dàng hơn, có nhiều thời gian trao đổi và thực hiện các hoạt động trải nghiệm, tiếp cận hình thành và phát triển năng lực tốt hơn.

Tóm lại, các nghiên cứu của Trung Quốc và Việt Nam có trọng điểm nghiên cứu khác nhau nhưng đều khẳng định thế mạnh của việc dạy học đa phương tiện, vai trò của các công cụ công nghệ.

2.3. Đặc điểm môn học

2.3.1. Đối tượng sinh viên

Đối tượng là sinh viên năm 2 Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội đã hoàn thành chương trình năm thứ nhất. Theo chuẩn đầu ra của môn học 2A, 2B (môn học trước của môn tiếng Trung Quốc giao tiếp đa phương tiện) thì sinh viên đã có lượng từ tối thiểu là 1200 từ, tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, tương đương trình độ B2 khung tham chiếu Châu Âu, khả năng nghe nói ở trình độ trung cấp, ý thức học tập tốt, nhận thức tốt, khả năng tự học cao, có kỉ luật, ý chí, cần cù, năng động, sáng tạo.

2.3.2. Đặc điểm của giáo trình

Môn học này, chúng tôi sử dụng bộ giáo trình (中国微镜头) (Ổng kính Trung Quốc) trung cấp, do Nhà Xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh xuất bản năm 2016. Cho tới nay, đây là bộ giáo trình đa phương tiện dành cho người nước ngoài mới nhất tại Trung Quốc. Theo đánh giá của một số học giả Trung Quốc như Shen Miao (2019) [13], Peng Ying (2019) [14], bộ giáo trình này có nhiều điểm mới so với các giáo trình trước đó như nội dung mang tính thời đại, bố cục bài học mới mẻ và khoa học, bài tập luyện nói và nghe đa dạng, có thể xem video từng bài bằng cách quét mã QR hoặc truy cập trang www.chinafocus.net.cn.

Các video trong giáo trình được sắp xếp theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống như: giáo dục, gia đình, nghề nghiệp, tình yêu, thương mại, lí tưởng, ý chí, nghị lực...

Các video đều được chọn từ các chương trình truyền hình chính thống hay thời sự của Trung Quốc. Thể loại phong phú, bao gồm talkshow, phỏng vấn, phóng sự, bản tin, phim ngắn, phim tài liệu, kịch nói, hài kịch, quảng cáo, bài hát... Ngôn ngữ thể hiện trong các video chủ yếu là giọng Bắc Kinh chuẩn, kết hợp khẩu âm của một số vùng miền khác nhau tại Trung Quốc trong các đoạn phỏng vấn, giúp người học làm quen với ngôn ngữ tự nhiên đa dạng tại Trung Quốc.

2.4. Phương pháp giảng dạy

2.4.1. Một số phương pháp giảng dạy

a. Phương pháp dạy học kết hợp (Blended learning)

Phương pháp dạy học kết hợp được xem là một dạng thức dạy học “gồm một phần hoạt động giảng dạy trực tuyến kết hợp với hoạt động giảng dạy truyền thống (học tập mặt đối mặt trên lớp) trên cơ sở áp dụng các hợp phần công nghệ thông tin ứng dụng trong giảng dạy - học tập” [15]. Han Jing (2017) cho rằng: “Phương thức dạy học kết hợp là phương thức dạy học kết hợp giữa dạy học có sự hỗ trợ của đa phương tiện với học tập độc lập trên nền tảng học tập mạng” [16]. Dạy học kết hợp cũng có thể được hiểu là kết hợp giữa dạy học đối mặt trên lớp kết hợp tự học tại nhà.

b. Mô hình lớp học đảo ngược (Flipped classroom)

Lớp học đảo ngược là một phương pháp đào tạo mới trong đó cung cấp nội dung học tập cho người học học tập trước khi vào lớp để người học nắm được nội dung chính, các định nghĩa và định hướng của bài giảng trước. Ý tưởng và mô hình lớp học đảo ngược hình thành tại Mỹ từ những năm 1990. Với hình thức đào tạo online, tài liệu học tập được giảng viên cung cấp trên hệ thống E-learning, người học sẽ học tập ở hai không gian trong và ngoài phạm vi lớp học làm tăng thời lượng và hiệu quả học tập. Lớp học đảo ngược khiến việc giảng dạy phải lấy người học làm trung tâm. Thời gian ở lớp được dành để khám phá các chủ đề sâu hơn và tạo ra những cơ hội học tập thú vị.

c. Phương pháp dạy học theo hướng giao nhiệm vụ (Task-based language teaching)

Dạy học giao nhiệm vụ là đường hướng giảng dạy ngoại ngữ giúp người học học tập trong lúc thực hiện nhiệm vụ. Có nghĩa là, trong quá trình vận dụng ngoại ngữ để hoàn thành các công việc được giao, khả năng tư duy và tương tác của người học ngày càng được nâng cao, từ đó phát triển toàn diện năng lực vận dụng ngoại ngữ. Đây là phương pháp hiện đang được giới chuyên môn đánh giá cao bởi nó hướng tới việc tập trung vào người học, nhằm bồi dưỡng và phát huy tối đa tính tích cực, năng động và sáng tạo của người học, giúp người học chủ động chinh phục và lĩnh hội tri thức, nâng cao chất lượng học tập của chính bản thân mình.

Việc dạy học kết hợp đồng thời các phương pháp trên có một số đặc điểm nổi bật sau: 1) Kết hợp các công cụ và phương tiện giảng dạy đa phương tiện, phát huy đầy đủ tính chất tiên tiến của mạng Internet; 2) Đề cao chủ thể quá trình dạy học là người học, kích thích tính chủ động, tích cực, sáng tạo của người học trong hoạt động dạy học; 3) Duy trì những ưu điểm của phương pháp giảng dạy truyền thống và nhấn mạnh vai trò hướng dẫn của giáo viên.

2.4.2. Quy trình áp dụng các phương pháp vào bài học

Trong môn học này, chúng tôi kết hợp dạy học đối mặt trên lớp với tự học tại nhà. Dạy học trên lớp có thể là hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp. Tự học tại nhà, người học tự xem video bài học qua mạng hoặc thảo luận các chủ đề được giáo viên giao trước cùng với các thành viên nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên qua các ứng dụng như: Zalo, Zoom, Voov, Google meet...

Giáo viên sẽ đảo ngược lớp học bằng cách khi bắt đầu môn học, giáo viên cung cấp trước tài liệu học tập, câu hỏi thảo luận mở rộng theo chủ đề trên Microsoft Team (video bài học, slide bài giảng, tài liệu bổ trợ, link video tham khảo có liên quan chủ đề, phiếu bài tập...) để sinh viên nghiên cứu trước. Nhiệm vụ và bài tập được giao theo từng tuần, người học cần chuẩn bị trước từ mới, xem trước 1 đến 2 lần video, hoàn thành các bài tập cơ bản trong giáo trình và tìm hiểu các vấn đề liên quan chủ đề bài học trước khi lên lớp. Giờ học trên lớp, giáo viên tập trung vào giải thích các từ ngữ trọng điểm, kết cấu ngữ pháp, chữa bài tập khó; sinh viên trả lời câu hỏi mở rộng, thảo luận, thuyết trình các chủ đề... Như vậy, sẽ giải quyết vấn đề thiếu hụt thời gian trên lớp, thời gian luyện kỹ năng nói tăng lên, sinh viên sẽ tương tác nhiều hơn với giáo viên và bạn cùng học, giúp người học tiếp cận được kiến thức sâu rộng hơn, giáo viên dễ dàng đánh giá năng lực của người học.

Nhiệm vụ của sinh viên được giao theo từng tuần

học, bao gồm nội dung chuẩn bị cá nhân và chuẩn bị theo nhóm. Ngoài nhiệm vụ chuẩn bị từ mới, xem trước video và làm bài tập trong giáo trình, trước khi học từng chủ đề, giáo viên sẽ giao các câu hỏi thảo luận theo nội dung chủ đề, như sau:

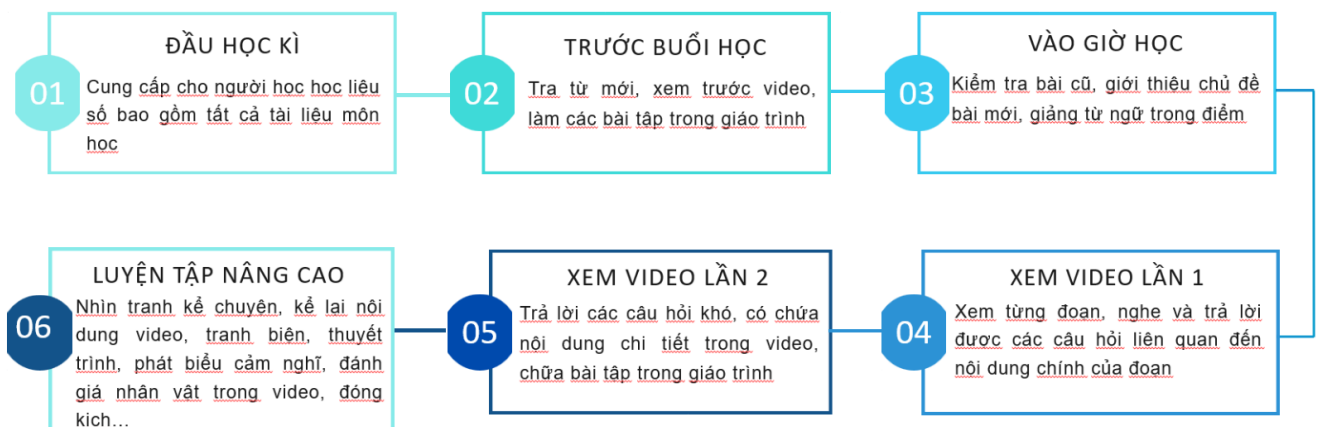
- Khi học video chủ đề “*Sở thích*”, người học cần chuẩn bị thêm câu hỏi thảo luận sau: Giới thiệu về sở thích, đam mê của bạn? Sở thích và đam mê có ảnh hưởng như thế nào đối với cuộc sống của mỗi người? Tóm tắt câu chuyện trong bài, em nhận được bài học gì từ câu chuyện đó?

- Khi học về chủ đề “*Giáo dục gia đình*”, người học cần chuẩn bị thêm câu hỏi thảo luận: Theo em, giáo dục gia đình tại Việt Nam còn tồn tại những điểm gì? Cha mẹ nên dạy con như thế nào? Phân tích nhân vật người cha và người con trong câu chuyện, em học được bài học gì từ câu chuyện đó?

- Câu hỏi thảo luận của chủ đề nghề nghiệp: Khi tuyển dụng, nhà tuyển dụng thường căn cứ vào những yếu tố gì để đánh giá người lao động? Khi đi xin việc, người lao động thường chú ý đến những gì? Trong xã hội hiện nay, các nhà tuyển dụng cần tuyển người lao động có những phẩm chất, năng lực gì? Những ngành nghề gì thị trường lao động hiện nay đang cần nhất?...

Với các câu hỏi trên, sinh viên có thể trình bày cá nhân hoặc chia nhóm thảo luận trước. Khi lên lớp, giáo viên có thể gọi cá nhân hoặc đại diện nhóm lên trình bày. Để thay đổi không khí lớp học, giáo viên có thể giao nhiệm vụ đặt câu hỏi theo nội dung từng đoạn của video cho người học. Ngoài ra, trong quá trình dạy, giáo viên sẽ lồng ghép các câu hỏi giúp sinh viên tìm hiểu các loại hình video theo từng chủ đề, các phương tiện được sử dụng khi xây dựng sản phẩm truyền thông và hiệu quả của các phương tiện đó như thế nào. Ví dụ, trong chủ đề *Nghề nghiệp*, có nội dung nói về nghề dựng phim giới thiệu một lĩnh vực nào đó trên mạng xã hội, giáo viên sẽ yêu cầu người học quan sát những kỹ

Quy trình thực hiện các hoạt động dạy học môn Tiếng Trung Quốc đa phương tiện



Hình 1: Sơ đồ quy trình dạy học

Hoạt động luyện tập nâng cao

Kể chuyện theo tranh

Nhìn 1 số bức tranh theo chủ đề, chia nhóm, thảo luận, kết nối nội dung các bức tranh để sáng tác một câu chuyện.



Tranh biện

Giáo viên đưa ra 2 quan điểm đối lập, cho các nhóm tìm tài liệu, thảo luận, sau đó lên biên luận về quan điểm của nhóm.



Thuyết trình

Cho các câu hỏi thảo luận có liên quan đến chủ đề, chia nhóm để các học sinh chuẩn bị trước ở nhà, sau đó lên lớp thuyết trình.



Đóng kịch

Đối với những bài học có cốt truyện, giáo viên phân nhóm, yêu cầu học sinh chia vai, diễn lại nội dung câu chuyện.



Hình 2: Cách thức tiến hành một số hoạt động luyện tập nâng cao

thuật xây dựng, cắt ghép video, chọn những chi tiết đắt giá, điền hình, sử dụng nhạc nền... để người học hiểu được ý nghĩa, phương pháp vận dụng các phương tiện nhằm nâng cao hiệu quả của các bài thuyết trình hay các sản phẩm truyền thông (xem Hình 1 và Hình 2).

2.4.3. Hoạt động làm video

a. Mục đích của hoạt động làm video

- Tạo cơ hội tốt để người học luyện các kỹ năng khẩu ngữ như biểu đạt, phát âm, luyện giọng, ngữ điệu.

- Nâng cao khả năng làm việc nhóm: Khi làm video, cả nhóm cùng lên ý tưởng, xây dựng kịch bản, cùng quay phim, mỗi thành viên đều phải tham gia các nhiệm vụ nhóm phân công và đều phải xuất hiện trong video... Các nhóm được chia đồng đều về năng lực của các thành viên để cùng học hỏi hỗ trợ nhau.

- Rèn luyện các kỹ năng mềm: Sinh viên thực hành các kỹ năng làm video như: chọn cảnh quay (phù hợp nội dung, có nội hàm ý nghĩa sâu), làm phụ đề (cách đặt vị trí phụ đề, font chữ, số lượng chữ... sao cho dễ nhìn nhưng không bị ảnh hưởng đến việc xem video), lồng tiếng, cắt ghép video, làm nhạc nền, chọn các app phù hợp để dựng và chỉnh sửa phim...

- Học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau: Khi làm video, sinh viên có rất nhiều sáng tạo, chịu khó tìm hiểu công nghệ. Sau khi hoàn thành, sản phẩm được các nhóm cùng chia sẻ lên nhóm lớp, các thành viên trong lớp nhận xét, các nhóm chia sẻ những khó khăn, thuận lợi hay kỹ thuật khi làm video. Thông qua hoạt động này, tất cả các thành viên trong lớp tích lũy được nhiều kinh nghiệm cho các hoạt động tương tự sau này.

- Khả năng làm việc độc lập: Đầu tiên là khả năng tự hoàn thành nhiệm vụ của từng cá nhân. Sau nữa là, nhiệm vụ này tạo điều kiện để sinh viên thể hiện những ý tưởng, sáng kiến, quan điểm của mình về các vấn đề liên quan chủ đề học và trong thực tiễn, qua đó giúp các em phát triển năng lực nhìn nhận, quan sát, tổng kết, phân tích, đánh giá. Sau bài tập này, người học có thể

độc lập xây dựng bài tập tương tự của cá nhân, cũng như biết phương pháp giải quyết nhiều vấn đề trong cuộc sống. Ngoài ra, các sản phẩm chất lượng chính là tư liệu hữu ích cho sinh viên khóa sau nói riêng và người học tiếng Trung Quốc nói chung.

b. Các bước tiến hành hoạt động dự án làm video có nội dung xoay quanh các chủ đề đã học

- Bước 1: Giáo viên sẽ chia lớp học thành các nhóm từ 4-5 người, yêu cầu sinh viên tự chọn chủ đề, lên ý tưởng.

- Bước 2: Sau khi được duyệt ý tưởng, người học bắt đầu viết kịch bản, phân công công việc cho thành viên trong nhóm, chuẩn bị các tư liệu cần thiết, luyện đóng các vai theo kịch bản. Giáo viên thường xuyên đôn đốc, góp ý trong quá trình sinh viên xây dựng kịch bản.

- Bước 3: Sau khi hoàn thành kịch bản, nhóm gửi thuyết minh chủ đề, bảng phân công nhiệm vụ, kịch bản dạng word cho giáo viên. Cả nhóm cùng vào zoom trình bày các phần nội dung đã chuẩn bị, trong quá trình luyện có thể điều chỉnh và record. Giáo viên sẽ xem bản record sửa nội dung kịch bản, cách biểu đạt, diễn xuất, ngữ âm, ngữ điệu...

- Bước 4: Sau khi được duyệt kịch bản, sinh viên bắt đầu ghi hình, edit video hoàn chỉnh. Sản phẩm của các nhóm nộp đúng thời gian quy định vào nhóm lớp. Sau đó, giáo viên và cả lớp cùng xem, nhận xét, đánh giá, bình chọn 2 video chất lượng nhất của lớp tham dự cuộc thi làm video toàn khóa.

c. Tiêu chí đánh giá (xem Bảng 1)

Bảng 1: Tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá	Tỉ lệ điểm
Kiến thức ngôn ngữ: nội dung và ý nghĩa thực tiễn của sản phẩm, ngữ pháp, biểu đạt, ngữ âm, ngữ điệu, sự tiến bộ so với thời gian trước đó.	60%
Khả năng phối hợp với các thành viên trong nhóm.	10%

Nội dung đánh giá	Tỉ lệ điểm
Tính chủ động và tích cực đưa ra các ý tưởng, xây dựng nội dung kịch bản.	10%
Kĩ năng sử dụng các công cụ dựng và edit video: chọn hình ảnh điển hình, quay phim, ghép đoạn, lồng tiếng, nhạc nền, làm phụ đề, chèn hiệu ứng...	10%
Khả năng sáng tạo, khả năng lãnh đạo.	10%

Song song với hoạt động làm video giữa kì, hàng năm Khoa tổ chức cuộc thi làm phim ngắn cho sinh viên năm 2. Mỗi lớp sẽ chọn 2 video xuất sắc nhất gửi dự thi. Đây cũng là động lực lớn để các nhóm cố gắng sáng tạo những sản phẩm truyền thông ngắn có chất lượng.

2.5. Đánh giá phản hồi của người học và sản phẩm đầu ra của môn học

2.5.1. Ý kiến người học trước khi bắt đầu môn học

Đầu môn học, chúng tôi tiến hành khảo sát, lấy ý kiến người học về sự am hiểu về các phương pháp dạy học mới: lớp học đảo ngược, phương pháp kết hợp, dạy học theo hướng giao nhiệm vụ và đánh giá của người học về phương pháp truyền thống đối với sự nâng cao khả năng khẩu ngữ.

Đối tượng khảo sát là 2 lớp sinh viên QH2020 và 2 lớp QH2021, thu được 100 phản hồi, kết quả cụ thể như sau:

(1) Trước khi học môn Tiếng Trung Quốc giao tiếp đa phương tiện, em đã biết về phương pháp dạy học kết hợp/lớp học đảo ngược/giao nhiệm vụ chưa?

- Đã biết rõ;
- Đã nghe qua/biết một chút;
- Chưa biết.

Tương ứng với 3 phương pháp trên, có 86% - 97% sinh viên mới vào năm thứ 2 chọn “chưa biết”, hoặc “đã nghe qua, biết một chút”.

(2) Trước khi học môn học “Tiếng Trung Quốc giao tiếp đa phương tiện”, em đã từng được tiếp cận phương pháp học nào trong các phương pháp lớp học đảo ngược, phương pháp kết hợp, dạy học theo hướng giao nhiệm vụ hay chưa học phương pháp nào?

Với câu hỏi này, có 39,4% sinh viên chọn chưa học phương pháp nào trong 3 phương pháp trên; 37% sinh viên lựa chọn đã tiếp cận phương pháp giao nhiệm vụ; 18% sinh viên chọn phương pháp kết hợp, số sinh viên được tiếp cận phương pháp lớp học đảo ngược chỉ chiếm 5,6%.

(3) Với câu hỏi: Em có hài lòng với phương pháp giảng dạy truyền thống “thầy giảng trò nghe” không? Có 83,4% sinh viên trả lời “Không hài lòng lắm, mong muốn được học với phương pháp khác”.

(4) Tốc độ cải thiện trình độ khẩu ngữ của bạn khi học bằng phương pháp giảng dạy truyền thống (học

bài trên lớp, thực hành, luyện tập sau giờ học) thế nào? 80,6 % sinh viên lựa chọn tốc độ “bình thường” và “chậm”.

2.5.2. Phản hồi của người học sau khi học môn tiếng Trung Quốc giao tiếp đa phương tiện

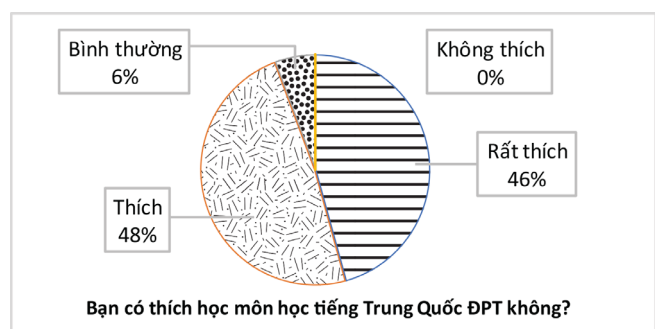
Khi tiến hành khảo sát cuối môn học bằng bảng hỏi theo mẫu của nhà trường, chúng tôi thu được kết quả rất khả quan (xem Bảng 2).

Bảng 2: Các phản hồi với câu hỏi

STT	Câu hỏi	Điểm phản hồi trung bình (tối đa 5 điểm)
1	Tài liệu môn học phong phú, hữu ích.	4.71
2	Môn học thiết thực đối với công việc sau này của bạn.	4.73
3	Giảng viên có thái độ tích cực, thân thiện.	4.94
4	Thầy cô có phương pháp dạy hay, hiệu quả.	4.77
5	Giảng viên có trình độ chuyên môn cao.	4.88

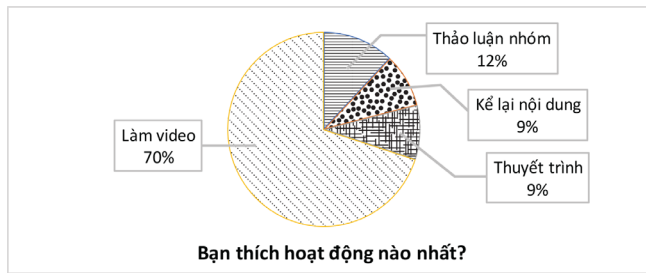
Ngoài ra, chúng tôi đã thiết kế thêm một bảng hỏi để hiểu chi tiết hơn về phản hồi của người học sau môn học. Phản hồi của sinh viên sau môn học cũng cho thấy, các phương pháp mới thực sự đã phát huy hiệu quả và có ý nghĩa thiết thực.

Với câu hỏi “Bạn có thích học môn học Tiếng Trung Quốc giao tiếp đa phương tiện không?” (xem Hình 3), chúng tôi cho 4 lựa chọn: rất thích, thích, bình thường và không thích. Kết quả phản hồi 94% sinh viên lựa chọn rất thích hoặc thích.



Hình 3: Kết quả câu hỏi “Bạn có thích học môn học tiếng Trung quốc đa phương tiện không?”

Với câu hỏi “Bạn thích hoạt động nào nhất?” (xem Hình 4), có 70% sinh viên lựa chọn hoạt động làm video, 12% sinh viên thích hoạt động thảo luận nhóm, 18% sinh viên lựa chọn các hoạt động khác như kể lại nội dung câu chuyện, hay thuyết trình.



Hình 4: Kết quả câu hỏi “Bạn thích hoạt động nào nhất?”

Với câu hỏi “*Khi được học môn Tiếng Trung Quốc giao tiếp đa phương tiện bằng phương pháp mới (nghe xem video và làm bài tập trước ở nhà, lên lớp giảng viên giảng kiến thức trọng điểm, chữa bài; giao câu hỏi thảo luận theo nhóm trước, lên lớp luyện nói, kết hợp ở nhà và trên lớp, kết hợp online và offline), bạn thấy tốc độ nâng cao trình độ khẩu ngữ của bạn thế nào?*” 32,4% sinh viên cho rằng, trình độ khẩu ngữ được nâng cao “nhanh hơn, nội dung nói phong phú, phản ứng nhanh, tự tin hơn nhiều”. 55,9% sinh viên cho rằng, tốc độ nâng cao trình độ khẩu ngữ “nhanh hơn khi học với phương pháp truyền thống, thời gian luyện nói nhiều hơn, nói được nhiều hơn”.

Trong phiếu khảo sát, chúng tôi còn đưa các câu hỏi để người học tự trả lời. Dưới đây là các câu trả lời tiêu biểu cho một số câu hỏi:

Em thích những điểm gì ở môn học này?

Các ý kiến trả lời của sinh viên chủ yếu tập trung vào các nội dung sau:

1/ Giáo trình kèm nội dung video các chủ đề rất phong phú, đa dạng, thiết thực, gần gũi cuộc sống, sinh động, hấp dẫn, giúp người học tăng hứng thú, muốn tìm hiểu sâu hơn. 2/ Qua môn học, người học được tiếp cận với ngôn ngữ tự nhiên của người bản ngữ, tăng vốn từ, rèn luyện và cải thiện khả năng nghe nói, đọc, viết, ghi chép, tóm tắt ý chính, tổng hợp ý nghĩa bài, liên hệ cuộc sống... 3/ Nhiều nội dung có ý nghĩa về văn hóa, ý nghĩa nhân văn, đạo lý trong cuộc sống, qua mỗi video học thêm được nhiều bài học bổ ích. 4/ Tăng khả năng sáng tạo, chủ động tìm hiểu bài và nâng cao khả năng làm việc nhóm. 5/ Thích hình thức kiểm tra giữa kì qua dự án làm video, được tự tay thực hiện, hoàn thành 1 dự án video. 6/ Phương pháp dạy học thú vị hiệu quả, giảng viên có trình độ chuyên môn và tích cực giúp đỡ sinh viên...

Em đánh giá thế nào về việc kiểm tra, đánh giá giữa kì bằng video nhóm theo chủ đề?

- Hoạt động này vừa thú vị, vừa có thể giúp sinh ôn luyện được nhiều kỹ năng hơn là chuẩn bị cho một bài thi trên lớp, như: cải thiện cả kỹ năng nghe, nói, cách thể hiện cảm xúc, khả năng diễn xuất, nhập vai, khả năng làm việc nhóm, kỹ năng phân bổ và quản lý thời gian, kỹ năng dựng và chỉnh sửa video và hơn nữa còn tạo ra rất

nhiều kỉ niệm vui giữa các thành viên nhóm...

- Cách thức kiểm tra đánh giá này mới mẻ và có ý nghĩa thiết thực, có thể trao đổi các kiến thức mới, các kỹ năng mềm.

- Phù hợp với cả học trực tuyến và học trực tiếp, phát huy cao độ tính sáng tạo và chủ động của người học.

- Sản phẩm video giữa kì được chọn dùng để tham gia cuộc thi phim ngắn cho sinh viên năm 2 của Khoa.

- Người học cảm thấy giảm bớt áp lực thi cử vì được thông báo sớm, có nhiều thời gian chuẩn bị, làm dự án theo nhóm mọi người hỗ trợ được nhau, mọi khó khăn đều có thể trao đổi với giảng viên hướng dẫn.

Em thu hoạch được điều gì trong môn học?

Với câu hỏi này, các ý kiến tập trung vào các nội dung sau: Nâng cao vốn từ về các chủ đề thực tế; nâng cao khả năng nghe nói, biểu đạt; học được cách diễn đạt rất tự nhiên từ các nhân vật trong video; mở rộng tầm hiểu biết về văn hóa; chủ động học tập; cải thiện được kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, cách thức triển khai một ý tưởng, dựng phim, quay được một bản video logic, chỉnh sửa video...

2.5.3. Kết quả kiểm tra, đánh giá giữa kì và cuối kì

a. Sản phẩm bài video giữa kì

100% sinh viên đạt yêu cầu và đạt điểm từ 7 trở lên. Vì video giữa kì các nhóm sinh viên đều có thời gian chuẩn bị khá dài, tất cả các thành viên đều nỗ lực phát huy hết năng lực, có nhiều sáng tạo nên được giảng viên đánh giá cao, đa số sinh viên đều đạt 8 - 9 điểm, nhiều sinh viên xuất sắc đạt 9 - 10 điểm.

b. Bài thi cuối kì

Bài thi cuối kì là xem video và làm bài tập dưới hình thức viết. Chúng tôi thống kê điểm cuối kì của 212 sinh viên tham dự kì thi đánh giá cuối kì năm học 2020 - 2021. Kết quả có 62 sinh viên đạt từ 9 điểm trở lên (thang điểm 10), 78 sinh viên đạt từ 8 điểm đến 8,9 điểm; 39 sinh viên đạt 7 đến 7,9 điểm; chỉ có 33 sinh viên đạt điểm từ 5 đến 6,9. Theo chúng tôi quan sát, mức điểm này so với mặt bằng điểm cuối kì chung của Khoa tương đối tốt.

Giáo viên cũng đánh giá đây là môn học rất hữu ích, có tính ứng dụng cao. Sau môn học, nhiều sinh viên đã tự tin dùng tiếng Trung trong giao tiếp hơn. Nội dung video bài giữa kì phong phú, chất lượng rất tốt. Đặc biệt, các kỹ năng sử dụng đa phương tiện từ môn học này đã giúp sinh viên hoàn thành các bài tập dự án của các năm trên nhanh và hiệu quả hơn.

3. Kết luận

Sau bốn năm dạy môn học Tiếng Trung Quốc đa phương tiện, chúng tôi nhận thấy rằng, đây là môn học rất phù hợp với sinh viên năm thứ hai, Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ -

Đại học Quốc gia Hà Nội. Các phương pháp dạy học kết hợp, lớp học đảo ngược, dạy học giao nhiệm vụ được cả giáo viên và sinh viên đánh giá phù hợp với cả giảng dạy trực tiếp và giảng dạy trực tuyến. Việc áp dụng kết hợp các phương pháp giảng dạy mới đã tạo ra một môi trường linh hoạt, năng động, sáng tạo, thúc đẩy sự tự học, tự nghiên cứu cũng như khả năng làm việc nhóm của sinh viên. Kết quả phản hồi của sinh viên về môn học rất tích cực, đặc biệt là hoạt động kiểm tra, đánh giá giữa kì. Chất lượng bài thuyết trình, video theo chủ đề của nhóm, bài thi cuối kì của sinh viên ngày càng được

nâng cao. Ngoài ra, qua môn học, sinh viên cũng nhận biết được, hiểu được ý nghĩa của một số phương tiện truyền thông cơ bản, sử dụng được các công cụ đó để nâng cao hiệu quả giao tiếp. Nhiều nhóm sinh viên đã tạo ra được những sản phẩm chất lượng, đó chính là tư liệu hữu ích cho sinh viên khóa sau nói riêng và người học tiếng Trung Quốc nói chung.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được hoàn thành với sự hỗ trợ của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội trong đề tài mã số N.21.19.

Tài liệu tham khảo

- [1] 沈履伟 [Shen,L.] (1995). 浅谈对外汉语的“视听说”教学. 天津师大学报, 1.
- [2] 赵立江 [Zhao,L.] (1997). 中高级汉语视听说课有关问题的调查分析与构想. 世界汉语教学, 3: 134 – 139.
- [3] 安站锋 [An,Z.] (2001). 汉语视听说课教学初探. 新疆教育学院学报, 3(1).
- [4] 李珍 [Li,Z.] (2015). 影视资源在对外汉语中高级视听说教学中的应用研究. 西北师范大学.
- [5] 刘肖 [Liu,X.] (2019). 浅谈对外汉语教材插图问题. 现代交际, 14:167-168.
- [6] 沈晓梅 [Shen,X.] (2020). 汉语视听说课多模态教学模式探析—以《中国微镜头-综艺篇》为例. 中国多媒体与网络教学学报, 217-222.
- [7] 韩秀娟 [Han,X.], 王涛 [Wang, T.] (2019). 混合教学模式下的视听说教学设计—以新型视听说教材《中国微镜头》为例. 国际汉语教学研究, 3:57-65.
- [8] Trần Thanh Hưng, (2015), *Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy ngoại ngữ - Hồ sơ khoa học dưới dạng điện tử của sinh viên*, Đại học Đà Lạt.
- [9] Bùi Văn Hồng, (2018), *Công nghệ IoT và ứng dụng phát triển lớp học số tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp chí Khoa học Giáo dục nghề nghiệp, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, số 52-53:90.
- [10] Hoàng Ngọc Đồng (2017), *Sử dụng phần mềm dạy học đa phương tiện trong giảng dạy môn Tiếng Anh ở Trung học cơ sở*. Trường Trung học cơ sở Tân Bắc - Quang Bình - Hà Giang.
- [11] Vũ Thái Giang - Nguyễn Hoài Nam, (2019), *Dạy học kết hợp - một hình thức phù hợp với dạy học đại học ở Việt Nam thời đại kĩ nguyên số*, HNUE JOURNAL OF SCIENCE, Educational Sciences, Volume 64, tr.165-177.
- [12] Phan Đức Duy, (8/2018), *Phối hợp phương pháp dạy học đảo ngược và dạy học trực tuyến trong phần Sinh thái học, Sinh học 12*, Tạp chí Giáo dục, Số 435, Kì 1, tr.44-48.
- [13] 申淼 [Shen,M.] (2019). 对外汉语视听说教材《中国微镜头》(中级)研究. 内蒙古师范大学.
- [14] 彭莹 [Peng,Y.] (2019). 微视频在中级汉语教学中的应用—以《中国微镜头》为例. 华中师范大学.
- [15] Đại học Quốc gia Hà Nội, (10/9/2020), *Quyết định số 2598/QĐ-ĐHQGHN về Tổ chức và quản lí đào tạo trực tuyến ở Đại học Quốc gia Hà Nội*.
- [16] 韩静 [Han, J.] (2017). “互联网+”环境下的英语混合教学模式探索. 辽宁科技学院学报, 5:64-65.

TEACHING METHODS FOR THE COURSE “MULTIMEDIA COMMUNICATION IN CHINESE LANGUAGE”

Phạm Thị Thu Hương

Email: blt20022003@gmail.com
University of Languages & International Studies,
Vietnam National University, Hanoi
No. 02 Phạm Văn Dong, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *Multimedia Communication in Chinese Language is a new and highly practical course. The course is taught through audio-visual materials based on specific topics, aiming to provide authentic knowledge about Chinese language, culture, and society. Through this course, students can enhance their abilities to synthesize content, present and defend personal views on related issues, develop teamwork skills, creativity, and utilize basic media for communication. In this article, we focus on analyzing the process of applying modern teaching methods and implementing specific activities in the course to optimize teaching materials, ignite students' enthusiasm for learning, maximize their potential, and help them develop comprehensive communication skills. By using action research and statistical investigation methods, we will survey and analyze the feedback from students before and after studying the course. We will also evaluate the course's outcomes to clarify the effectiveness of integrating new methods into the course.*

KEYWORDS: Communicative Chinese, multimedia, teaching methods.